

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 124/2024/HS-ST
Ngày: 24/9/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kỹ.

2. Ông Nguyễn Bình Quân.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Khuyển – Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Toán Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh B, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Hoàng Văn T, sinh năm 1997 tại tỉnh Bắc Ninh; nơi thường trú: thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do, nguyên nhân viên kho Công ty TNHH S; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn B, sinh năm 1974 và bà Tạ Thị O, sinh năm 1975; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ là Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1998; có 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2023; hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh B.

*** Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T (do chỉ định): Ông Nguyễn Đức T1** – Luật sư thuộc Văn phòng L2 – Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh;

*** Bị hại: Công ty TNHH S**; địa chỉ: OTM C C khu N smart city, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; đại diện theo pháp luật là ông Shin Dong H – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền là Công ty L3; địa chỉ: Số E N, phường S, thành

phố B, tỉnh Bắc Ninh; đại diện theo pháp luật là ông Trần Văn T2 – chức vụ: Giám đốc; có mặt tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Nguyễn Văn N1**, sinh năm 1990; trú tại: thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

2. Ông **Hoàng Văn B**, sinh năm 1974 và vợ là bà **Tạ Thị O**, sinh năm 1975; trú tại: thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; có mặt tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh;

** Người làm chứng:*

1. Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1993; trú tại: khu K, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

2. Anh **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1999; trú tại: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

1. Ông Nguyễn Hữu B1, sinh năm 1983 – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

2. Cán bộ Trại tạm giam – Công an tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH S (viết tắt là Công ty S1), có địa chỉ trụ sở tại OTM3, căn số 7-8, khu nhà phố thương mại dự án Cát Tường S thuộc xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn, bán lẻ tổng hợp các linh kiện điện tử, thiết bị ngành tự động hóa...do ông Shin Dong H, sinh năm 1960 (quốc tịch Hàn Quốc) giữ chức vụ Tổng giám đốc.

Để thuận tiện cho việc kinh doanh, từ tháng 01/2022, công ty S1 sử dụng phần mềm Ecount để theo dõi, quản lý hàng hóa trong kho, đồng thời giao cho chị Chu Thị L, sinh năm 1992, trú tại số nhà C, khu phố N, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh là nhân viên hỗ trợ kinh doanh của công ty (Chị L làm việc tại công ty S1 từ tháng 8/2021 đến cuối tháng 7/2022 thì nghỉ việc) làm chủ tài khoản Admin quản lý hệ thống phần mềm Ecount của công ty. Chị Lê L1 các tài khoản Ecount khác nhau và phân quyền cho các nhân viên trong công ty thông qua tài khoản của mình có thể theo dõi, kiểm tra số lượng hàng hóa nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty. Tháng 7/2022, chị Lê nghỉ V và bàn giao tài khoản cũng như việc quản lý hệ thống tài khoản Ecount của công ty cho chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1993, trú tại khu K, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 03/02/2020, Hoàng Văn T được tuyển dụng vào công ty S làm việc và được giao làm thủ kho. Với trách nhiệm thủ kho, T được giao nhiệm vụ trông coi, quản lý tài sản, hàng hóa nhập, xuất và tồn kho của công ty (việc phân công nhiệm vụ chỉ thực hiện bằng miệng, không có văn bản). T được chỉ Lê C 01 tài khoản Ecount để theo dõi, quản lý tài sản là các loại hàng hóa trong kho, nhập hàng vào kho theo đúng hóa đơn mua hàng của công ty và xuất hàng từ kho giao cho nhân viên lái xe của công ty theo phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng của nhân viên kinh doanh. Sau đó, T đăng nhập tài khoản Ecount của T nhập lên hệ thống phần mềm Ecount số lượng, chủng loại hàng hóa đã nhập vào kho và xuất đi theo đúng hóa đơn và phiếu xuất hàng mà T đã thực hiện trước đó. Trường hợp nếu sau khi xuất kho hàng hóa nhưng bên mua hoàn lại hàng thì nhân viên kinh doanh của công ty sẽ báo lại cho lái xe của công ty để lấy lại hàng nhập lại kho, T sẽ thực hiện thủ tục nhập kho lại từ đầu. Các số liệu về nhập hàng, xuất hàng được nhập vào phần mềm Ecount thì các nhân viên khác có tài khoản E đều có thể xem được nhưng không chỉnh sửa được, việc chỉnh sửa việc nhập hàng và xuất hàng chỉ có nhân viên bộ phận kho mới thực hiện được. Từ năm 2021 đến nay, các nhân viên làm việc tại bộ phận kho gồm: Hoàng Văn T (từ ngày 03/02/2020 đến ngày 30/8/2023), anh Nguyễn Khắc T4, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã V, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (từ ngày 18/4/2022 đến ngày 31/3/2023) và anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1999, trú tại thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (từ ngày 04/4/2023 đến nay). Thời điểm trước tháng 12/2022, tài khoản Ecount của các nhân viên bộ phận kho được cấp quyền chỉnh sửa tăng, giảm số lượng hàng hóa nhập và xuất kho trên hệ thống Ecount. Việc chỉnh sửa sẽ được lưu lại, đồng thời hiển thị tên tài khoản đã chỉnh sửa, ngày, tháng, năm, giờ đã chỉnh sửa trên hệ thống. Từ tháng 12/2022, chị L đã khóa chức năng chỉnh sửa và xóa dữ liệu hàng nhập kho trên các tài khoản Ecount của nhân viên bộ phận kho, do vậy sau khi nhân viên bộ phận kho thực hiện thao tác bấm “Lưu phiếu” trên hệ thống Ecount thì sẽ không xóa và sửa được các thông tin về số lượng hàng hóa nhập kho, tuy nhiên vẫn chỉnh sửa được số lượng và thông tin sản phẩm xuất kho trên tài khoản Ecount.

Khoảng tháng 12/2022, trong quá trình làm việc, T thấy việc quản lý hàng hóa trong kho của công ty không chặt chẽ, có nhiều sơ hở nên nảy sinh ý định chiếm đoạt các loại hàng hóa là các thiết bị tự động hóa của công ty mang đi bán lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân. Toàn đến cửa hàng bán đồ điện tử tại ngã 3 thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh gặp và hỏi anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (là chủ cửa hàng) đặt vấn đề bán các thiết bị tự động hóa, anh N1 hỏi T về nguồn gốc các thiết bị T muốn bán thì T bảo là mua thanh lý lại của công ty nên anh N1 đã đồng ý mua.

Do vậy, từ tháng 12/2022 đến tháng 6/2023, Hoàng Văn T đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là các thiết bị tự động hóa của công ty mang đến bán cho N1. Để không bị phát hiện, T sử dụng máy tính đăng nhập tài khoản Ecount của T để chỉnh sửa số lượng hàng hóa trên hệ thống phần mềm của công ty hoặc sử dụng máy tính của anh Nguyễn Văn T3 và chị Nguyễn Thị Đ (đã đăng nhập sẵn tài khoản Ecount của anh T3 và chị Đ) trực tiếp chỉnh sửa số lượng hàng hóa trên hệ thống Ecount của các tài khoản đó. Mục đích T chỉnh sửa số lượng trên phần mềm Ecount để số lượng hàng hóa nhập kho và xuất kho khớp với số lượng hàng hóa T đã chiếm đoạt, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt 160 chiếc Cảm biến quang E3Z-D62 2MOMI (viết tắt là cảm biến MOMI).

- Ngày 05/01/2022, Công ty S1 xuất 22 chiếc cảm biến MOMI cho công ty TNHH K, thể hiện tại “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng” ngày 05/12/2022 và hóa đơn GTGT số 0001880 ngày 06/12/2022. Ngày 01/6/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của anh T3 chỉnh sửa ở mục “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng thực tế xuất” ngày 05/12/2022 thành xuất 82 chiếc. T chiếm đoạt 60 chiếc cảm biến MOMI.

- Ngày 29/12/2022 Công ty S1 xuất 12 chiếc cảm biến MOMI cho công ty TNHH C2, thể hiện tại “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng” ngày 29/12/2022 và hóa đơn GTGT số 0000024 ngày 04/1/2023. Ngày 07/6/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của anh T3 chỉnh sửa ở mục “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng thực tế xuất” ngày 03/01/2023 thành xuất 112 chiếc. T chiếm đoạt 100 chiếc cảm biến MOMI.

2. Chiếm đoạt 200 chiếc Đế cắm P7SA-14F-ND DC24 (Viết tắt là đế cắm).

Ngày 02/12/2022 công ty S1 xuất 03 chiếc đế cắm cho công ty cổ phần C3, thể hiện tại “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng” ngày 02/12/2022 và hóa đơn GTGT số 0001898 ngày 07/12/2022. Ngày 12/6/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của anh T3 chỉnh sửa ở mục “phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng thực tế xuất” ngày 02/12/2022 thành xuất 203 chiếc.

3. Chiếm đoạt 38 chiếc Bộ điều khiển lập trình G9SP-N20S. (viết tắt là Bộ Đ1).

Ngày 15/12/2021 và ngày 16/12/2021, công ty S1 mua 45 Bộ điều khiển lập của công ty TNHH O1 (lần thứ nhất là 26 bộ, lần thứ hai là 19 bộ), theo số hóa đơn số 968. Ngày 17/12/2021, bộ phận kho của công ty N2 bộ. Ngày 07/01/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của chị Đ chỉnh sửa tại mục “Phiếu mua hàng” ngày 17/12/2021 thành nhập 35 bộ điều khiển. T chiếm đoạt 10 bộ điều khiển.

Ngày 11/02/2022, công ty S1 mua 10 bộ điều khiển của công ty TNHH O1, theo số hóa đơn 1226. Ngày 14/12/2022, bộ phận kho của công ty nhập kho. Ngày 03/01/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của chị Đ chỉnh sửa tại mục “Phiếu mua hàng” ngày 14/02/2022 thành nhập 0 bộ điều khiển. T chiếm đoạt 10 bộ điều khiển.

Ngày 04/3/2022, Công ty S1 xuất 10 bộ điều khiển cho công ty Y, thể hiện tại “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng ngày 04/3/2022 và hóa đơn GTGT số 0002600 ngày 24/3/2022. Ngày 04/02/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của chị Đ chỉnh sửa ở mục “phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng thực tế xuất” ngày 10/3/2022 thành xuất 20 bộ điều khiển. T chiếm đoạt 10 bộ điều khiển.

Ngày 10/5/2022, Công ty S1 xuất 08 bộ điều khiển cho công ty Y, thể hiện tại “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng” ngày 10/5/2022 và hóa đơn GTGT ký hiệu 1C2TSB số 0000604 ngày 06/6/2022. Ngày 04/02/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của chị Đ chỉnh sửa ở mục “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng thực tế xuất” ngày 12/5/2022 thành xuất 16 bộ điều khiển. T chiếm đoạt 08 bộ điều khiển.

4. Chiếm đoạt 26 chiếc Rơ le G9SP-N10S (Gọi tắt là Rơ le G9SP).

Ngày 02/02/2023, công ty S1 xuất 01 chiếc Rơ le G9SP cho công ty K1 theo “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng” và hóa đơn GTGT số 172 ngày 04/02/2023. Ngày 15/5/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của anh T3 để chỉnh sửa tại mục “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng thực tế” thành 29 chiếc Rơ le G9SP nhưng thực tế Toàn chiếm đoạt 26 chiếc Rơ le G9SP.

5. Chiếm đoạt 200 chiếc Rơ le G7SA-4A2B DC24 (Viết tắt là Rơ le G7SA).

Ngày 02/12/2022, Công ty S1 xuất 03 chiếc Rơ le G7SA cho Công ty A, thể hiện ở “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng” ngày 02/12/2022 và hóa đơn GTGT số 1898 ngày 07/12/2022. Ngày 12/6/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của anh T3 chỉnh sửa ở mục “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng thực tế xuất” ngày 02/12/2022 thành xuất 203 chiếc Rơ le G7SA.

6. Chiếm đoạt 152 chiếc Cảm biến E3Z-T61 2M OMI (Viết tắt là cảm biến E3Z).

Ngày 23/09/2022, Công ty S1 xuất 35 chiếc cảm biến E3Z cho Công ty E1, thể hiện ở “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng” ngày 23/9/2022 và hóa đơn GTGT số 1492 ngày 30/09/2022. Ngày 20/5/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của anh T3 chỉnh sửa ở mục “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng thực tế xuất” ngày 23/09/2022 thành xuất 65 chiếc cảm biến E3Z. Toàn chiếm đoạt 30 chiếc cảm biến E3Z.

Ngày 05/12/2022, Công ty TNHH S1 xuất 30 chiếc cảm biến E3Z cho Công ty K2, thể hiện ở “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng” ngày 05/12/2022 và hóa đơn GTGT ký hiệu 1C22TSB, số 0001880 ngày 06/12/2022. Ngày 01/6/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của anh T3 chỉnh sửa ở mục “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng thực tế xuất” ngày 05/12/2022 thành xuất 80 chiếc cảm biến E3Z. Toàn chiếm đoạt 50 chiếc cảm biến E3Z.

Ngày 11/04/2023, Công ty S1 xuất 08 chiếc cảm biến E3Z cho Công ty A, thể hiện ở “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng” ngày 11/04/2023 và hóa đơn GTGT số 692 ngày 13/04/2023. Ngày 07/6/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của anh T3 chỉnh sửa ở mục “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng thực tế xuất” ngày 11/4/2023 thành xuất 80 chiếc cảm biến E3Z. Toàn chiếm đoạt 72 chiếc cảm biến E3Z.

7. Chiếm đoạt 33 chiếc Cảm biến vùng BWP20-20.

Ngày 12/05/2023 Công ty S1 xuất 10 mặt hàng cho công ty A, thể hiện tại “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng” ngày 12/05/2023, trong đó không có mặt hàng Cảm biến vùng BWP20-20. Ngày 15/05/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của T chỉnh sửa ở mục “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng thực tế xuất” ngày 15/5/2023 là ngoài 10 mặt hàng theo phiếu xuất kho trên T còn sửa trên hệ thống phần mềm xuất không thêm 11 chiếc Cảm biến vùng BWP20-20 cho Công ty A. T chiếm đoạt 11 chiếc Cảm biến vùng BWP20-20.

Ngày 23/06/2022, Công ty S1 mua và nhập kho 20 chiếc Cảm biến vùng BWP20-20 của Công ty TNHH G theo hóa đơn GTGT số 079, ngày 29/06/2022. Ngày 07/6/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của anh T3 chỉnh sửa ở mục "Phiếu mua hàng" ngày 23/6/2022 thành không nhập 20 chiếc cảm biến vùng BWP20-20. T chiếm đoạt 20 chiếc Cảm biến vùng BWP20-20.

Ngày 15/05/2023, Công ty S1 xuất 04 chiếc Cảm biến vùng BWP20-20 cho Công ty A, thể hiện ở “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng” ngày 15/05/2023 và hóa đơn GTGT số 0965 ngày 17/05/2023. Ngày 12/6/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của anh T3 chỉnh sửa ở mục “Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng thực tế xuất” ngày 15/05/2023 thành xuất 14 chiếc nhưng thực tế T chỉ chiếm đoạt 02 chiếc Cảm biến vùng BWP20-20 (Do Toàn sửa phiếu xuất khi kho nhầm từ 6 chiếc sang 14 chiếc).

8. Chiếm đoạt 09 chiếc Cảm biến vùng BWP20-12.

Ngày 19/09/2022, Công ty S1 mua và nhập kho 10 chiếc Cảm biến vùng BWP20-12 của Công ty G theo hóa đơn số 0123 ngày 22/9/2022. Ngày 17/4/2023, T sử dụng tài khoản Ecount của anh T3 chỉnh sửa mục “Phiếu mua hàng” ngày 19/9/2022 thành nhập 0 chiếc nhưng thực tế T chỉ chiếm đoạt 09 chiếc Cảm biến vùng BWP20-12.

Như vậy, tổng số hàng hóa Hoàng Văn T chiếm đoạt của công ty S1 gồm: 160 chiếc cảm biến quang E3Z-D62 2MOMI; 200 chiếc đế cắm P7SA-14F-ND DC24; 38 Bộ điều khiển lập trình G9SP-N20S; 26 chiếc Rơ le G9SP-N10S; 200 chiếc Rơ le G7SA-4A2B DC24; 152 chiếc cảm biến E3Z-T61 2M OMI; 33 chiếc cảm biến vùng BWP20-20 và 09 chiếc cảm biến vùng BWP20-12.

Sau khi chiếm đoạt được số hàng hóa trên, T mang bán cho anh Nguyễn Văn N1 theo giá bán từng thời điểm, trong đó: Cảm biến quang E3Z-D62 2M OMI giá từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng/chiếc; Đế cắm P7SA-14F-ND DC24V và Rơ le G7SA-4A2B DC2 giá từ 250.000 đồng đến 300.000 đồng/ bộ; Bộ Đ1 lập trình G9SP-N20S OMI giá từ 2.750.000 đồng đến 3.500.000 đồng/bộ; Rơ le G9SP-N10S giá từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/ chiếc; Cảm biến E3Z-T61-2M OMI từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng; Cảm biến vùng BWP20-20 và cảm biến vùng BWP20-12 giá từ 1.200.000 đồng đến 1.500.000 đồng/chiếc. Anh N1 sử dụng tài khoản số 0351000776741 mang tên Nguyễn Văn N1 tại ngân hàng TMCP N3 chuyển tiền đến tài khoản số 0838134555 mang tên Hoàng Văn T tại ngân hàng TMCP Q để thanh toán tiền mua hàng cho T, tổng số tiền là 417.650.000 đồng. Việc mua bán hàng và thanh toán tiền, giữa anh N1 và T không ký kết hợp đồng và không có giấy tờ, sổ sách ghi chép lại.

Đầu tháng 6/2023, Công ty S1 chuyển trụ sở và tiến hành kiểm kê tài sản trong kho thì phát hiện số lượng tài sản tồn trong kho so với số lượng hàng hóa trên sổ theo dõi và trên hệ thống Ecount có sự chênh lệch (thất thoát) nên công ty đã yêu cầu nhân viên của công ty điều chỉnh trên hệ thống Ecount đúng với số lượng hàng thực tế tồn trong kho. Sau khi các nhân viên điều chỉnh trên hệ thống, công ty S1 phát hiện có nhân viên trong công ty lợi dụng sự quản lý chưa chặt chẽ của công ty, chiếm đoạt tài sản của công ty.

Ngày 05/12/2023, Công ty S1 có đơn trình báo đến Công an tỉnh B về việc công ty bị mất số lượng tài sản trị giá 1.078.662.000 đồng gồm: Cảm biến quang E3Z-D62 2MOMI: 184 chiếc = 75.440.000 đồng; Đế cắm P7SA-14F-NDDC24: 200 chiếc = 46.000.000 đồng; Bộ điều khiển lập trình G9SP-N20S: 53 bộ = 482.300.000 đồng; Rơ le G9SP-N10S: 26 chiếc = 206.622.000 đồng; Rơ le G7SA-4A2B DC24 OMI: 200 chiếc = 54.000.000 đồng; Cảm biến quang E3Z-T61 2M OMI: 218 chiếc = 87.200.000 đồng; Cảm biến vùng BWP20-20: 38 chiếc = 106.400.000 đồng; Cảm biến vùng BWP20-12: 09 chiếc = 20.700.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 16/KL-HĐ ngày 11/12/2023 và Công văn số 501/HĐ-TTHS ngày 09/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bắc Ninh, kết luận: “Cảm biến quang E3Z-D62 2M OMI là

350.000đ/chiếc; Đế cắm P7SA-14F-ND-DC24: 230.000 đồng/chiếc; Rơ le G7SA-SA2B DC24: 220.000đ/chiếc; Bộ điều khiển lập trình G9SP-N20S: 8.750.000đ/chiếc; Rơ le G9SP-N10S: 7.947.000đ/chiếc; Cảm biến quang E3Z-T61 2M OMI: 390.000đ/chiếc; Cảm biến vùng an toàn BWP20-20: 2.800.000đ/chiếc; Cảm biến vùng an toàn BWP20-12: 2.140.000đ/chiếc.”

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt của Công ty S1 là **856.062.000 đồng**, gồm:

- Cảm biến quang E3Z-D62 2M OMI: 350.000đ/chiếc x 160 = 56.000.000đ;
- Đế cắm P7SA-14F-ND-DC24: 230.000đ/chiếc x 200 = 46.000.000đ;
- Rơ le G7SA-SA2B DC24: 220.000đ/chiếc x 200 = 44.000.000đ;
- Bộ Đ1 lập trình G9SP-N20S: 8.750.000đ/chiếc x 38 = 332.500.000đ;
- Rơ le G9SP-N10S: 7.947.000đ/chiếc x 26 = 206.622.000đ;
- Cảm biến quang E3Z-T61 2M OMI: 390.000đ/chiếc x 152 = 59.280.000đ;
- Cảm biến vùng an toàn BWP20-20: 2.800.000đ/chiếc x 33 = 92.400.000đ.
- Cảm biến vùng an toàn BWP20-12: 2.140.000đ/chiếc x 9 = 19.260.000đ.

Ngày 08/12/2023, Hoàng Văn T đến cơ quan công an đầu thú.

Ngày 23/2/2024, anh Nguyễn Văn N1 giao nộp 07 bộ điều khiển lập trình G9SP-N20S và 20 chiếc cảm biến E3Z-T61 2M OMI là tài sản do T chiếm đoạt của công ty S1 bán cho anh N1. Đại diện công ty S1 xác nhận đúng là tài sản của công ty S1 bị chiếm đoạt và đề nghị được nhận lại số tài sản trên.

** Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra, Hoàng Văn T đã tác động đến ông Hoàng Văn B, sinh năm 1974 và bà Tạ Thị O, sinh năm 1975 (là bố mẹ đẻ của T) tự nguyện bồi thường cho công ty S1 số tiền 700.000.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số: 106/CT-VKSBN-P1 ngày 15/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hoàng Văn T trình bày: Bị cáo vào làm việc tại kho Công ty S từ tháng 02/2020 đến 30/8/2023, công việc bị cáo được giao là trông coi, quản lý tài sản, hàng hóa xuất, nhập, tồn kho của công ty. Quá trình làm việc thấy công ty có sơ hở trong quản lý giữa số lượng hàng hóa xuất, nhập, tồn kho thực tế và số lượng trên hệ thống phần mềm. Bị cáo đã lấy các thiết bị tự động hóa của công ty mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân như cáo trạng nêu là đúng. Để không bị công ty phát hiện, bị cáo đã sử dụng tài khoản Ecount cá nhân mình được cấp và mượn tài khoản của Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thị Đ chỉnh sửa trên hệ thống quản lý. Số thiết bị tự động hóa chiếm đoạt được, bị cáo bán cho anh Nguyễn Văn N1, khi bán chỉ nói là hàng công ty T6. Tại phiên tòa

hôm nay, phía đại diện công ty S1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số là 830 triệu đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục được 790 triệu đồng, bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho công ty S1 40 triệu đồng. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện bị hại, ông Trần Văn T2 trình bày: Xác nhận số lượng tài sản công ty S1 bị mất như cáo trạng nêu là đúng. Đối với số tài sản cơ quan điều tra đã thu giữ được là hàng cũ nên công ty đồng ý nhận lại những tài sản này nhưng yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm 40 triệu đồng ngoài số tiền 790 triệu đồng mà gia đình bị cáo đã bồi thường cho công ty S1, ông T2 xác nhận công ty đã nhận được 700 triệu đồng tiền mặt và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn B và Tạ Thị O đều trình bày: đã tự nguyện bồi thường tổng số là 790 triệu đồng, trong đó ông bà đã đưa tiền mặt cho công ty S1 là 700 triệu đồng, còn 90 triệu đồng là nộp vào Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh để khắc phục hậu quả cho bị cáo. Ông B và bà O không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố; sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Hoàng Văn T từ 9 đến 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 8/12/2023.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Văn T. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX cấm bị cáo đảm nhiệm công việc quản lý tài sản của cơ quan, doanh nghiệp từ 1 đến 2 năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường thêm cho công ty S1 số tiền là 40 triệu đồng.

Về vật chứng: Trả lại bị hại 07 bộ điều khiển lập trình G9SP-N20S và 20 thiết bị dạng dây E3Z-T61 và số tiền 90 triệu đồng gia đình bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Luật sư Nguyễn Đức T1 phát biểu quan điểm nhất trí về tội danh, điều luật áp dụng như cáo trạng đã truy tố, đồng thời đồng ý với các tình tiết giảm nhẹ

Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng cho bị cáo T được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, lần đầu phạm tội nên đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo từ 8 đến 9 năm tù là phù hợp.

Bị cáo Hoàng Văn T đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư, không bổ sung gì thêm.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại, ông Trần Văn T2 không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông B và bà O đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đôi đáp với ý kiến của luật sư bào chữa, Viện kiểm sát giữ nguyên mức hình phạt như đã luận tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2022 đến tháng 6/2023, Hoàng Văn T là nhân viên quản lý hàng hóa trong kho của Công ty TNHH S, được giao nhiệm vụ thủ kho, nhập, xuất, luân chuyển hàng hóa hàng ngày theo yêu cầu, kiểm tra hàng tồn kho hàng ngày, phân loại hàng, sắp xếp và bảo quản hàng hóa trong kho. Lợi dụng chức vụ được giao, T nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt hàng hóa là thiết bị tự động của công ty TNHH S với tổng trị giá là 856.062.000 đồng, gồm: 160 chiếc cảm biến quang E3Z-D62 2M OMI trị giá 56.000.000 đồng, 200 chiếc đế cắm P7SA-14F-ND-DC24 trị giá 46.000.000 đồng, 200 chiếc Rơ le G7SA-SA2B DC24 trị giá 44.000.000 đồng, 38 bộ điều khiển lập trình G9SP-N20S trị giá 332.500.000 đồng, 26 chiếc Rơ le G9SP-N10S trị giá 206.622.000 đồng, 152 chiếc cảm biến quang E3Z-T61 2M OMI trị giá 59.280.000 đồng, 33 chiếc cảm biến vùng an toàn BWP20-20 trị giá 92.400.000 đồng và 09 chiếc cảm biến vùng an toàn

BWP20-12 trị giá 19.260.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt, T sử dụng máy tính đăng nhập tài khoản Ecount của T và các tài khoản Ecount công ty cung cấp cho anh Nguyễn Văn T3 và chị Nguyễn Thị Đ, chỉnh sửa số liệu nhập hàng, xuất hàng trên phần mềm Ecount của Công ty TNHH S. Toàn bộ tài sản chiếm đoạt, T bán cho Nguyễn Văn N1 được số tiền 417.650.000 đồng dùng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Do đó, có đủ căn cứ để xét xử Hoàng Văn T phạm tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ. Làm ảnh hưởng đến niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường nước ta nói chung và tỉnh Bắc Ninh nói riêng. Do vậy, cần phải xét xử nghiêm bằng pháp luật hình sự để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX nhận thấy:

Bị cáo Hoàng Văn T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần thực hiện việc chiếm đoạt các thiết bị tự động của công ty thể hiện qua 15 lần vào các khoảng thời gian khác nhau, T chỉnh sửa số liệu trên hệ thống quản lý của công ty nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo T đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường 790 triệu đồng cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho T; sau khi phạm tội đã tới cơ quan công an đầu thú, bị cáo có ông nội và ông ngoại đều là liệt sĩ nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các thiệt hại đã được khắc phục nên cần khoan hồng áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt tù nhưng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, phía bị hại là công ty S1 yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 830 triệu đồng và đề nghị được nhận lại số tài sản cơ quan điều tra đã thu giữ, trong đó xác nhận gia đình bị cáo

đã bồi thường được 790 triệu đồng, bị cáo còn tiếp tục phải bồi thường thêm 40 triệu đồng, bị cáo đồng ý theo yêu cầu của bị hại nên cần buộc T phải bồi thường cho công ty S1 830 triệu đồng. Xác nhận công ty S1 đã nhận của gia đình bị cáo 700 triệu đồng, gia đình bị cáo đã nộp 90 triệu đồng vào Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Bị cáo Hoàng Văn T còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại 40.000.000đ.

[5]. Về vật chứng: Đối với 27 thiết bị tự động do Nguyễn Văn N1 giao nộp là tài sản do T chiếm đoạt được của bị hại nên cần trả lại cho công ty S1. Đối với số tài sản này anh Nguyễn Văn N1 không yêu cầu T phải bồi thường nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6]. Những vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Văn T3 và chị Nguyễn Thị Đ, khi cho T mượn máy tính và tài khoản Ecount, anh T3 và chị Đ không biết T sử dụng tài khoản Ecount để chỉnh sửa số liệu nhằm mục đích phạm tội. Quá trình chỉnh sửa số liệu trên tài khoản E, T không thông báo và không cho anh T3, chị Đ biết mục đích của việc chỉnh sửa. Bản thân anh T3 và chị Đ không được hưởng lợi ích gì từ hành vi phạm tội của T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không xử lý đối với anh T3 và chị Đ là phù hợp.

Quá trình điều tra xác định, ngoài các lần T chỉnh sửa số liệu trên phần mềm Ecount để chiếm đoạt hàng hóa như nêu trên thì T, chị Chu Thị L, chị Đặng Hồng T5, anh Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Khắc T4 đều đã từng thực hiện việc chỉnh sửa số liệu trên tài khoản Ecount cá nhân. Các đối tượng khai nhận việc chỉnh sửa do ông Shin Dong H – Tổng giám đốc công ty yêu cầu và được thực hiện công khai nên không có căn cứ để xem xét, xử lý.

Đối với Nguyễn Văn N1 là người đã mua các thiết bị của T, N1 không biết các thiết bị đó là do T phạm tội mà có. Sau khi được Cơ quan điều tra thông báo, N1 đã tự nguyện giao nộp 07 bộ điều khiển lập trình G9SP-N20S và 20 chiếc cảm biến E3Z-T61 2M OMI còn lại chưa bán. Đối với các thiết bị khác, N1 đã bán cho những người không quen biết, không rõ tên, tuổi, địa chỉ ở đâu. Nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với N1 là đúng quy định pháp luật.

Đối với các tài sản khác bị thất thoát theo đơn trình báo của công ty S1 gồm: 24 chiếc cảm biến quang E2 2M OMI, 15 bộ điều khiển lập trình G9SP N20S, 66 chiếc cảm biến quang E3Z-T61 2M OMI và 05 chiếc cảm biến vùng an toàn BWP20-20. Quá trình xác minh, đến nay chưa có căn cứ xác định nguyên nhân thất thoát, thời gian thất thoát của các tài sản trên nên chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo **Hoàng Văn T** 9 (C1) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2023.

Quyết định duy trì Quyết định tạm giam số: 114/2024/HSST-QĐTG ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự: Buộc Hoàng Văn T phải bồi thường cho Công ty TNHH S 830.000.000 đồng (Xác nhận bị cáo đã bồi thường được 790.000.000 đồng, trong đó công ty S1 đã nhận 700.000.000 triệu đồng, còn 90 triệu đồng gia đình bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000236 ngày 21/8/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh), Hoàng Văn T còn phải tiếp tục bồi thường cho Công ty TNHH S 40.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại Công ty TNHH S 07 bộ điều khiển lập trình G9SP-N20S và 20 thiết bị dạng dây E3Z-T61 (đựng trong túi bóng trắng). *(Vật chứng có đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 132/2024 ngày 15/8/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).*

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Hoàng Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- QCSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh (PC01);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; Luật sư; đương sự;
- Lưu HS; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hòa